

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/HS-PT

Ngày: 10 - 3 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hà.

Các thẩm phán: Bà Thái Thị Thanh Bình;

Ông Đỗ Minh Nhựt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thu Sương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 348/2021/TLPT-HS ngày 14 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 117/2021/HS-ST ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

Bị cáo bị kháng nghị:

Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1995 tại: tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp L, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Choro; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1960 và bà Điều Thị X, sinh năm 1965; Chung sống như vợ chồng (không đăng ký kết hôn) với Võ Tấn Lộc; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án:

- Ngày 01/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc Nguyễn Thị Ngọc M chịu 200.000 đồng án phí HSST, nộp sung vào ngân sách Nhà nước 4.189.000 đồng thu lợi bất chính và bồi thường thiệt hại cho anh Huỳnh Thanh N 1.700.000 đồng (Bản án số 64/2018/HSST).

- Ngày 29/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày đi chấp hành án, buộc Nguyễn Thị Ngọc M chịu 200.000 đồng án phí HSST (Bản án số 83/2019/HSST). Nguyễn Thị Ngọc M đã chấp hành xong hình phạt tù chung của 02 bản án ngày 07/01/2021.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 06/5/2021 và chuyển tạm giam ngày 12/5/2021. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút, ngày 06/5/2021, trong khi Võ Tấn L1 và Nguyễn Thị Ngọc M đi mót quả điều tại khu vườn thuộc Ấp 4, xã P, huyện V, L1 phát hiện nhà anh Trương Kiến C đang xây dựng không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. L1 trèo tường vào bên trong lấy trộm 01 máy cắt sắt, 01 máy hàn của anh Nguyễn Văn T (người thi công nhà cho anh C) bỏ vào bao tải đựng dây điện rồi để lên ghế thang đưa ra bên ngoài đem tới chỗ dựng xe mô tô biển số 54L2-1333 và gọi M đến. M giúp L1 khiêng tài sản lên gác ba ga xe mô tô biển số 54L2-1333 ngồi giữ để L1 chở đến căn nhà hoang thuộc ấp L, xã P, huyện V cất giấu, M biết rõ tài sản trên do L1 trộm cắp mà có. Đến khoảng 13 giờ, anh T phát hiện bị mất tài sản đã trình báo Công an xã P. L1 biết sự việc bị phát hiện nên chở M và tài sản trộm cắp đến Công an xã P khai báo và giao nộp tài sản chiếm đoạt được. Công an xã P lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu giải quyết theo thẩm quyền.

* *Tang vật thu giữ:* 01 máy hàn điện tử Inverter HK 200A nhãn hiệu Hồng Ký; 01 máy cắt sắt nhãn hiệu Maktec MT243; 11m dây điện máy hàn; 03m dây mát; 01 xe mô tô biển số 54L2-1333.

* Cơ quan cảnh sát điều tra đã xử lý tang vật:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện giao trả cho anh Nguyễn Văn T: 01 máy hàn điện tử Inverter HK 200A nhãn hiệu Hồng Ký; 01 máy cắt nhãn hiệu Maktec MT 243; 11m dây điện máy hàn; 03m dây mát.

Đối với xe mô tô biển số 54L2-1333: Theo Phiếu trả lời xác minh phương tiện tham gia giao thông cơ giới đường bộ ngày 02/6/2021 của Công an huyện Vĩnh Cửu thì xe mô tô biển số 54L2-1333 thuộc sở hữu của bà Ngô Thị N; địa chỉ: 793A, B, Phường 10, Quận 8, thành phố H. Anh Phan Văn T1 khai mua xe cũ khoảng 06 năm trước (không xác định được người bán) không có giấy tờ. Anh T1 đã cho Võ Tấn L1 làm phương tiện đi lại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 27/KL-ĐGTS ngày 10/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản Tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Cửu kết luận 01 máy hàn điện tử Inverter HK 200A nhãn hiệu Hồng Ký mua năm 2019, trị giá 1.800.000 đồng; 01 máy cắt nhãn hiệu Maktec MT 243 mua 2018, trị giá 1.200.000 đồng; 11m dây điện máy hàn mua năm 2018 trị giá 440.000 đồng và 03m dây mát mua năm 2018 trị giá 120.000 đồng. Tổng trị giá tài sản thiệt hại là 3.560.000 đồng.

Quá trình điều tra cũng như quá trình xét xử, các bị cáo không có ý kiến gì về giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Vĩnh Cửu.

Trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại anh Nguyễn Văn T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Cáo trạng số 111/CT-VKSVC ngày 04/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo Võ Tấn L1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 117/2021/HS-ST ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã tuyên xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 3 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Tấn L1 và Nguyễn Thị Ngọc M phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt: Bị cáo Võ Tấn L1 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2021.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M 07 (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2021.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kháng nghị:

Tại Quyết định kháng nghị số: 584/VKS-KN ngày 16/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã kháng nghị 01 phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 117/2021/HS-ST ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, về áp dụng tội danh xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa 01 phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 117/2021/HS-ST ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu theo hướng tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M 07 tháng tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Bản án sơ thẩm nhận định và xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M phạm tội “Trộm cắp tài sản” là không có căn cứ. Mục đích của L1 và bị cáo M đến vườn điều để mót điều, bị cáo M không biết việc L1 lấy trộm tài sản, sau khi lấy trộm được tài sản L1 mới gọi M đến để khiêng phụ lên xe, bị cáo M hoàn toàn không biết L1 trộm cắp tài sản trước đó, cũng không hứa hẹn sau khi lấy trộm được tài sản sẽ tiêu thụ và chia với nhau, hành vi trộm cắp của L1 đã hoàn thành nên bị cáo M không phải là đồng phạm với L1.

L1 và bị cáo M không được quản lý và sử dụng căn nhà hoang, bị cáo M giúp L1 cất giấu tài sản tại căn nhà hoang mà bị cáo và L1 đã sử dụng trước đây. Hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017). Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như kháng nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm tuyên bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 06/5/2021, Võ Tấn L1 đã có hành vui lên lút lấy trộm 01 máy hàn điện tử Inverter HK 200A nhãn hiệu Hồng Ký; 01 máy cắt nhãn hiệu Maktec MT 243; 11m dây điện máy hàn; 03m dây mát của anh Nguyễn Văn T bỏ tài sản trộm cắp vào hai bao tải, và đem đến xe máy chỗ bị cáo M đang đứng, L1 nói bị cáo M giúp bị cáo L1 đỡ xe để bị cáo cho lên xe, sau đó L1 chở bị cáo M đem tài sản mà bị cáo L1 trộm được đến nhà hoang gần đó thuộc ấp L, xã P, huyện V để cất giấu. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 3.560.000 đồng.

[3] Xét kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:

Tại Biên bản ghi lời khai của bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M ngày 06/5/2021 (BL 96) thì bị cáo M khai nhận “*tôi đến nhà ông C thì thấy anh L1 vác 02 bao tải loại 50 ký một bao, tôi biết đó là tài sản trong nhà ông C mà anh L1 đã trộm được nên cũng không hỏi hai bao trên chứa gì mà nhanh chóng vác lên xe rồi anh L1 điều khiển xe chở tôi cùng số tài sản trộm được đến nhà hoang thuộc ấp L thuộc xã P để cất giấu, tôi cùng anh L1 đem vào nhà hoang và sau đó đem ra vườn tràm sau lưng nhà cách đó 50m để cất giấu*”. Còn L1 thì khai: Tôi không bàn bạc hay phân công gì với M, sau khi tôi lấy máy cắt mang ra xe thì M mới biết tôi lấy trộm tài sản, sau đó tôi có nhờ M giữ giúp xe máy để cho máy cắt lên thì M đồng ý. Tuy L1 và bị cáo M đều khai khi L1 trộm tài sản của anh T thì không có bàn bạc và bị cáo M không biết L1 trộm tài sản nhưng khi L1 mang tài sản trộm cắp đến xe thì bị cáo M khai biết là tài sản mà L1 trộm được và cùng L1 gác lên ba ga xe mô tô (bút lục 96), như vậy ngay vào thời điểm L1 nhờ M giữ xe để gác hai bao tải chứa tài sản L1 trộm cắp thì về mặt ý thức chủ quan bị cáo M đã nhận thức được tài sản mà L1 đem lên xe là tài sản trộm cắp, bị cáo M đã đồng ý và biểu hiện ý chí chủ quan của bị cáo ra bên ngoài là giữ xe và cùng L1 vận chuyển tài sản đem cất giấu tại nhà hoang.

Về quy định của pháp luật thì tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư liên tịch số: 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC ngày 30/11/2011 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng quy định của Bộ luật hình sự về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội rửa tiền, quy định: *“Về tội chứa chấp tài sản hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có (Điều 250 Bộ luật hình sự):*

1. Chứa chấp tài sản là một trong các hành vi sau đây: cất giữ, che giấu, bảo quản tài sản; cho để nhờ, cho thuê địa điểm để cất giữ, che giấu, bảo quản tài sản đó.”

Địa điểm mà M cùng Lộc cất giấu tài sản trộm cắp là nhà hoang không thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng, quyền quản lý của bị cáo và bị cáo cũng không có hành vi cất giữ, che giấu, bảo quản tài sản mà chỉ có hành vi giúp sức L1 để hoàn thành hành vi trộm cắp tài sản. L1 là người trực tiếp thực hiện hành vi cất giữ, che giấu, bảo quản tài sản, địa điểm nhà hoang cũng là do L1 dự định và thực hiện, không có sự bàn bạc, thống nhất giữa L1 và bị cáo M (BL: 69,70,71,73,75,96).

Tội “Trộm cắp tài sản” của L1 đã hoàn thành khi L1 đã lấy được tài sản của bị hại. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của L1 đã thực hiện là một chuỗi hành vi và kết thúc khi hành vi trộm cắp tài sản của L1 đã được sự đồng ý, giúp sức của M. L1 sau khi lấy được tài sản trộm cắp, đưa đến hàng rào để chờ tiếp tục đưa tài sản ra ngoài, cất giấu và mang đi tiêu thụ cần phải được xác định là thời điểm tội phạm chưa kết thúc. Vì đối với tội trộm cắp tài sản, tội phạm chỉ được coi là kết thúc khi tài sản được đưa đến địa điểm cất giấu an toàn, nằm trong sự quản lý của người thực hiện hành vi phạm tội và trong trường hợp này tài sản lấy trộm đang ở vườn điều, nơi L1 lấy tài sản cách chỗ bị cáo M đứng khoảng 50m không bị hạn chế tầm nhìn bởi tường hay công trình xây dựng nào, nơi mà bị cáo M cùng L1 đứng là vườn điều không có nơi cất giấu tài sản trộm cắp nên L1 còn phải có những việc làm tiếp theo để đưa tài sản đến nơi khác theo dự định và lúc này tội phạm mới kết thúc. Do đó khi L1 đưa tài sản ra đến xe mô tô nơi bị cáo M đang đứng thì bị cáo biết tài sản này do L1 trộm cắp, bị cáo đồng ý và giúp L1 bằng cách vịn xe để L1 chắt tài sản lên gác ba ga xe mô tô, bị cáo ngồi sau xe mô tô cùng L1 đưa tài sản đi đến cất giấu tại nhà hoang. Do đó, hành vi của bị cáo M đã hoàn thành và đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy

định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) với vai trò đồng phạm giúp sức giản đơn vì không có sự bàn bạc tính toán từ trước. Căn cứ khoản 3 Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm có quyền xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn nên Tòa án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa 01 phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 117/2021/HS-ST ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu theo hướng tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) là không có cơ sở chấp nhận. Cần giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 117/2021/HS-ST ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo M không phải chịu theo luật định.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

1. Không chấp nhận Quyết định số: 584/VKS-KN ngày 16/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 117/2021/HS-ST ngày 04/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 38; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc M 07 (bảy) tháng tù về “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2021.

3. Về án phí: Bị cáo M không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu;
- Công an huyện Vĩnh Cửu;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Thanh Hà